

Số: 428/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ tỉnh
lần thứ 1, nhiệm kỳ 2024 - 2029

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của
Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 129/TTr-SNV
ngày 18 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ tỉnh đã được Đại hội
Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2024 - 2029 thông qua ngày
30/11/2024 (đính kèm Điều lệ).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ;
Chủ tịch Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ tỉnh; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có
liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LDVP;
- Sở Nội vụ;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- LDVP;
- P.KGVX;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh.

6

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Hồng Thanh



ĐIỀU LỆ HỘI HỖ TRỢ GIA ĐÌNH LIỆT SĨ TỈNH TÂY NINH

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 428 /QĐ-UBND ngày 26 /02/ 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng việt: **HỘI HỖ TRỢ GIA ĐÌNH LIỆT SĨ TỈNH TÂY NINH**
2. Biểu tượng:



Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của công dân, tổ chức trong tỉnh Tây Ninh, hoạt động với tôn chỉ, mục đích là tập hợp đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, giúp nhau cùng vượt khó vươn lên trong cuộc sống, tích cực xây dựng tỉnh giàu mạnh, văn minh, nghĩa tình; tham gia hỗ trợ các gia đình liệt sĩ tiếp cận, thực hiện các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước; thu thập thông tin, tìm kiếm hài cốt liệt sĩ còn thất lạc hoặc chưa xác định được danh tính bằng giám định ADN; tham gia nghiên cứu và đề xuất với lãnh đạo tỉnh về các giải pháp thực hiện chế độ chính sách, tôn vinh và tri ân các anh hùng liệt sĩ và gia đình liệt sĩ.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ tỉnh Tây Ninh có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại số 167, Quốc lộ 22B, ấp Thanh Sơn, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi tỉnh Tây Ninh trong lĩnh vực hỗ trợ gia đình liệt sĩ.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND tỉnh, chịu sự hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tây Ninh và các ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc, tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích, lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều lệ Hội.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo đúng quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của Hội viên và các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

10. Được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh giao (nếu có).

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động của các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng tỉnh giàu mạnh.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Phối hợp với các cơ quan có liên quan để thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật, gồm:

a) Tham gia thu thập, cung cấp thông tin về mộ, hài cốt liệt sĩ với các cơ quan có liên quan, tư vấn trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin đại chúng tới các gia đình liệt sĩ.

b) Tư vấn, hỗ trợ gia đình liệt sĩ xét nghiệm ADN để xác định danh tính liệt sĩ.

c) Tham gia giáo dục thế hệ trẻ Truyền thống Cách mạng, đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, tri ân liệt sĩ, gia đình liệt sĩ.

d) Vận động các gia đình liệt sĩ tương thân tương ái, giúp nhau khắc phục khó khăn vươn lên trong cuộc sống.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết việc khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức của Hội gồm:

a) Hội viên tổ chức: Pháp nhân Việt Nam hoạt động hoặc quan tâm việc hỗ trợ gia đình liệt sĩ hoặc liên quan đến vấn đề liệt sĩ tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên của Hội.

b) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam sinh sống và làm việc tại tỉnh Tây Ninh tán thành điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên của Hội được Ban chấp hành Hội công nhận là hội viên chính thức của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên

a) Đối với tổ chức: Là các tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam tích cực tham gia các hoạt động của Hội.

b) Đối với cá nhân: Công dân Việt Nam sinh sống và làm việc tại tỉnh Tây Ninh tích cực tham gia hoạt động theo Điều lệ Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội; ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi hội

1. Tổ chức, công dân Việt Nam đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này, muốn gia nhập Hội, làm đơn đề Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định kết nạp.

2. Hội viên nếu vi phạm pháp luật và Điều lệ Hội, không chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội hoặc làm mất uy tín của Hội sẽ bị xử lý kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ.

3. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên, đưa ra khỏi Hội, bị khai trừ ra khỏi hội do Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức có mặt hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

d) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội, việc thành lập pháp nhân thuộc Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

d) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành.

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường do Chủ tịch Hội triệu tập khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, trong đó có một Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành.

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ.

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Thường vụ họp định kỳ 03 (ba) tháng một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ đề nghị;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội. Khi có sự

thay đổi Trưởng ban, Phó trưởng ban, ủy viên thì Ban Kiểm tra bầu bổ sung hoặc thay thế.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Kiểm tra ban hành phù hợp với Điều lệ Hội và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 17. Chủ tịch Hội, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội.

a) Tiêu chuẩn

- Có quốc tịch Việt Nam; Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Có uy tín, có hiểu biết và tâm huyết với lĩnh vực hội hoạt động;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích;

- Có mối quan hệ tốt đối với các tổ chức trong xã hội;

- Có sức khỏe, năng lực và trách nhiệm tham gia các hoạt động của Ban Chấp hành Hội.

b) Điều kiện

- Không giữ chức danh Chủ tịch quá 02 hội.

- Được Ban Chấp hành Hội giới thiệu để Đại hội bầu.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước lãnh đạo tỉnh và cơ quan chức năng có liên quan của tỉnh trước Ban chấp hành, Ban thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ.

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội.

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

4. Số lượng Phó Chủ tịch Hội: 03 đồng chí (trong đó phó Chủ tịch Chuyên trách: 01; Phó Chủ tịch không Chuyên trách: 02).

5. Các Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội theo đề nghị của Chủ tịch Hội. Số lượng, tiêu chuẩn các Phó Chủ tịch Hội do Ban chấp hành Hội quy định.

- Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền.

- Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội, phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hội;

b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Văn phòng, các ban chuyên môn, chi hội và tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội

1. Văn phòng, các ban chuyên môn

Tùy theo nhu cầu phát triển hoạt động của Hội và trên cơ sở nghị quyết của Ban chấp hành về cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội, Ban thường vụ Hội quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Văn phòng, các ban chuyên môn (hoặc các cán bộ chuyên môn) để tham mưu, giúp lãnh đạo Hội triển khai thực hiện các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức cấp trưởng, cấp phó của Văn phòng, các ban chuyên môn/cán bộ chuyên môn thực hiện theo Quy chế của Hội.

2. Chi hội: Ở các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh có từ 20 (hai mươi) hội viên trở lên có thể thành lập Chi hội thuộc Hội. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập Chi Hội thuộc Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Chi Hội do Hội thành lập không có tư cách pháp nhân, con dấu.

3. Các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội

a) Khi cần thiết và trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội quyết định việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội để thực hiện các nhiệm vụ của Hội.

b) Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Việc giải thể, sáp nhập, chia tách, quản lý hoạt động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh cấp trưởng, cấp phó tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế của Hội.

CHƯƠNG V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 19. Đổi tên, chia tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể hội

Việc đổi tên, chia tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể hội thực hiện theo quy định của Luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Ban Chấp hành Hội và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội.

- Mức thu hội phí do Đại hội thông qua. Lệ phí gia nhập hội, hội phí hàng năm của Hội viên.
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
- Từ nguồn tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh theo quy định của Pháp luật.
- Hỗ trợ của tỉnh, Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có).
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc.
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật.
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.
- Chi thực hiện chế độ chính sách đối với những người làm việc tại cơ quan Hội theo quy định của Ban chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tài sản của Hội

Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được tỉnh hỗ trợ.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các Hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

CHƯƠNG VII

KHEN THƯỞNG , KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức khiển trách, cảnh cáo đến xóa tên khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội đại biểu Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ tỉnh Tây Ninh mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Điều lệ Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ tỉnh Tây Ninh gồm 8 Chương, 26 Điều đã được Đại hội đại biểu lần thứ nhất Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ tỉnh Tây Ninh thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2024 tại tỉnh Tây Ninh và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành (hoặc Ban Chấp hành ủy quyền cho Ban Thường vụ) Hội hỗ trợ gia đình liệt sĩ tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.